TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:**18**/2022/HNGĐ-ST Ngày 18/4/2022 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Tạ Văn Thành

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo.

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Việt Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2021/TLST- HNGĐ ngày 20/10/2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐST- HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1972.

Nơi ĐKHKTT: khu 5, xã Tân Ph, huyện Thanh Th, tỉnh P.

Bị đơn: Bà **Trịnh Thị M**, sinh năm 1975.

Nơi ĐKHKTT: khu 5, xã Tân Ph, huyện Thanh Th, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông và bà Trịnh Thị M kết hôn năm 1998 tại UBND xã Tân Ph, huyện Tam Th, tỉnh P (nay là xã Tân Ph, huyện Thanh Th, tỉnh P) trên cơ sở tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bình thường đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Đến tháng 11 năm 2019 bà M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đó cho đến nay chưa về. Kể từ khi bà M đi Đài Loan vợ chồng không liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung là anh Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 30/11/1998 và chị Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 02/9/2002.

Khi ly hôn quan điểm của ông không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung do anh Phong và chị Anh đã thành niên và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Ông T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không có nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông T trình bày hiện nay ông không biết địa chỉ của bà M tại Đài Loan nên ông không thể cung cấp địa chỉ của bà M cho Tòa án được. Ông T yêu cầu Tòa án xác minh địa chỉ của bà M tại Đài Loan thông qua con đẻ của ông và bà M là chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 2002 đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã Tân Ph, huyện Thanh Th, tỉnh P.

Con đẻ của bà Trịnh Thị M là chị Nguyễn Thị Phương A trình bày: Chị là con đẻ của bà Trịnh Thị M và ông Nguyễn Minh T. Mẹ chị hiện đang lao động tại Đài Loan. Mẹ chị vẫn thường xuyên gọi điện về cho chị. Mẹ chị chỉ nói với chị hiện đang ở Đài Loan nhưng không nói rõ cụ thể ở đâu nên chị không thể cung cấp địa chỉ của mẹ chị ở Đài Loan cho Tòa án được. Việc bà M và ông T ly hôn là việc riêng của bố mẹ chị, chị không can thiệp. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho mẹ chị và cam kết sẽ thông báo cho mẹ chị biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những ng- ời tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đề nghị Tòa án xử cho ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Trịnh Thị M. Về con chung: Do con chung của ông T, bà M đã thành niên và có cuộc sống riêng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Do ông T không đề nghị nên không giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T nộp đơn xin ly hôn bà Trịnh Thị M tại Tòa án nhân dân tỉnh P. Trong đơn xin ly hôn, ông T trình bày hiện bà M đang sống và làm việc tại Đài Loan. Tại văn bản số 27140/QLXNC-P5 ngày 12/11/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận bà Trịnh Thị M đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 11/11/2021 và chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T.

Bị đơn bà Trịnh Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai (do chị Nguyễn Thị Phương A nhận văn bản tống đạt) nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà M.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị M là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên tình cảm vợ chông phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên ông Nguyễn Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bà Trịnh Thị M.

Bà Trịnh Thị M hiện đang ở nước ngoài, ông Nguyễn Minh T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của bà Trịnh Thị M, không cung cấp được địa chỉ của bà M ở nước ngoài cho Tòa án. Chị Nguyễn Thị Phương A là con đẻ của bà Trịnh Thị M xác nhận bà M hiện đang ở Đài Loan, bà M vẫn thường xuyên gọi điện cho chị nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của bà M tại Đài Loan nên chị không cung cấp được địa chỉ của bà M ở Đài Loan cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông T và bà M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nên việc ông Nguyễn Minh T yêu cầu ly hôn với bà Trịnh Thị M là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Trịnh Thị M có 02 con chung là anh Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 30/11/1998 và chị Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 02/9/2002. Do con chung của ông T và bà M là anh Ph và chị A đã thành niên và có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nội dung này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Minh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng do hiện nay bà M vắng mặt tại địa phương không xác định được địa chỉ nơi cư trú cụ thể và không có quan điểm trình bày về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Do vậy, về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51; Điều 56 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 179; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Trịnh Thị M.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000027 ngày 19/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Bà Trịnh Thị M có quyền kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án đ- ợc tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND T.P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Ph, H. Thanh Th, T. P;
- Lưu HS,VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Văn Thành